



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Minh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Đinh Ngọc Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Bà Ngô Thị Thùy Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Nguyễn Anh Chiến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Vũ Thành Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thùy Linh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Nguyễn Kim Trường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Vũ Thành Huy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2015/HamicoSC-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2015 và Biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 19/06/2015 đã bổ nhiệm bà Ngô Thị Thùy Linh giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 19/06/2015. Theo quy định của Điều lệ của Công ty thì bà Ngô Thị Thùy Linh là người đại diện theo pháp luật của Công ty; tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi liên quan đến việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Theo đó, bà Ngô Thị Thùy Linh là người ký báo cáo tài chính này là phù hợp với thực tế của Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

1025
CÔ
CH NI
KIẾ
V
TG Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO
Số 15, lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.




Ngô Thị Thủy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

1885
NG T
HIỆM H
A TOA
ACO
- T

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 294/VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14/10/2015, từ trang 04 đến trang 21.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2015/HamicoSC-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2015 và Biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 19/06/2015 đã bổ nhiệm bà Ngô Thị Thùy Linh giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 19/06/2015. Theo quy định của Điều lệ của Công ty thì bà Ngô Thị Thùy Linh là người đại diện theo pháp luật của Công ty, nên bà Ngô Thị Thùy Linh là người ký báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi liên quan đến việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Báo cáo kết quả soát xét này được phát hành thay thế cho báo cáo kết quả soát xét số 271/VACO/BCKT.NV2 ngày 15/08/2015 do có sai sót về mặt số học tại thuyết minh số 6 - Các khoản phải thu ngắn hạn, phần thuyết minh báo cáo tài chính, theo đó chỉ tiêu phải thu khách hàng số liệu tại ngày 30/06/2015 là 150.250.000 đồng; chỉ tiêu phải thu khác số liệu tại ngày 30/06/2015 là 7.001.731.198 đồng.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1450-2013-156-1

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	100		14.623.605.935	15.402.188.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.791.063.687	5.249.800.964
1. Tiền	111		4.791.063.687	5.249.800.964
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	9.425.476.648	9.745.667.733
1. Phải thu của khách hàng	131		150.250.000	17.750.000
2. Trả trước cho người bán	132		2.273.495.450	2.273.495.450
3. Các khoản phải thu khác	138	8	7.001.731.198	7.454.422.283
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		407.065.600	406.720.000
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.600	-
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		6.720.000	6.720.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	400.000.000	400.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.010.685.960	1.013.150.934
I. Tài sản cố định	220		1.004.653.203	1.007.118.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.004.653.203	1.007.118.177
- Nguyên giá	222		1.672.803.376	1.672.803.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(668.150.173)	(665.685.199)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		176.000.000	176.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(176.000.000)	(176.000.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		6.032.757	6.032.757
1. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		11.000	11.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		6.021.757	6.021.757
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		15.634.291.895	16.415.339.631




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		534.144.717	1.116.356.370
I. Nợ ngắn hạn	310		534.144.717	1.116.356.370
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	424.200.000
2. Phải trả người bán	312		26.842.729	26.842.729
3. Người mua trả tiền trước	313		47.500.000	97.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	113.655.700	96.508.353
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	346.146.288	471.305.288
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	13	15.100.147.178	15.298.983.261
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.100.147.178	15.298.983.261
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.899.852.822)	(6.701.016.739)
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	400		15.634.291.895	16.415.339.631




Ngô Thị Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015


Trần Thị Thúy Hằng
Phụ trách kế toán


Vũ Thị Bích
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu	01	14	195.514.259	59.923.131
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		-	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		195.454.545	36.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu khác	01.9		59.714	23.923.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		195.514.259	59.923.131
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15	191.386.000	107.637.160
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		4.128.259	(47.714.029)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		202.964.342	183.020.388
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(198.836.083)	(230.734.417)
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(198.836.083)	(230.734.417)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(198.836.083)	(230.734.417)
15. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	17	(90)	(105)



Ngô Thị Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

Trần Thị Thúy Hằng
Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		(198.836.083)	(230.734.417)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	2		2.464.974	-
Các khoản dự phòng	3		-	(23.900.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(196.371.109)	(254.634.417)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		319.845.485	35.600.000
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(158.011.653)	63.780.671
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		-	8.106.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.537.277)	(147.147.506)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(424.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(424.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(458.737.277)	(147.147.506)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.249.800.964	747.439.344
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	4.791.063.687	600.291.838



Ngô Thị Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

Trần Thị Thúy Hằng
Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	21	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	21	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	21	(6.470.282.322)	(6.701.016.739)	(230.734.417)	-	(198.836.083)	-	(6.701.016.739)	(6.899.852.822)



Ngô Thị Thủy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

Trần Thị Thủy Hằng

Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích

Người lập biểu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (được đổi tên từ Công ty Cổ phần chứng khoán Gia Anh, gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/03/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán khác liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, lô B, khu đô thị mới Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 10 người (tại ngày 31/12/2014 là 10 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Các bên liên quan

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư này thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán thay thế nên Công ty vẫn trình bày báo cáo tài chính kỳ này theo mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với công ty chứng khoán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có một số khoản công nợ quá hạn thanh toán trên 1 năm với giá trị là 196.257.198 đồng. Tuy nhiên, Công ty tin tưởng vào khả năng thu hồi công nợ của các khoản nợ nói trên trong thời gian sắp tới nên không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ này.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 1,5 năm.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

• **Doanh thu hoạt động tư vấn**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

325
CÔ
H N
KIẾ
V
Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 6.899.852.822 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.737.305.422	5.136.220.688
Tiền gửi ngân hàng	53.758.265	113.580.276
<i>Trong đó: tiền gửi của NĐT</i>	2.847.446	2.847.446
	4.791.063.687	5.249.800.964

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Mục thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chi tiêu	01/01/2015			Số phát sinh trong kỳ			30/06/2015			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Phải thu của khách hàng	17.750.000	-	-	132.500.000	-	150.250.000	150.250.000	-	-	
2. Trả trước cho người bán	2.273.495.450	2.273.495.450	-	-	-	2.273.495.450	2.273.495.450	-	-	
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	2.743.708	(2.398.108)	345.600	-	-	-	
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5. Phải thu khác	7.454.422.283	-	-	6.805.474.000	(7.258.165.085)	7.001.731.198	-	-	-	
<i>Phải thu khác</i>	<i>7.454.422.283</i>	<i>196.257.198</i>	<i>-</i>	<i>6.805.474.000</i>	<i>(7.258.165.085)</i>	<i>7.001.731.198</i>	<i>196.257.198</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
6. Tạm ứng	400.000.000	400.000.000	-	-	-	400.000.000	400.000.000	-	-	
Tổng cộng	10.145.667.733	2.673.495.450	-	6.940.717.708	(7.260.563.193)	9.825.822.248	2.823.745.450	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	400.000.000	400.000.000
	400.000.000	400.000.000

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	(trình bày lại)
	VND	VND
Hà Sơn Trường (i)	2.300.000.000	-
Nguyễn Quang Lộc (ii)	2.200.000.000	-
Trần Minh Hoàng (iii)	2.300.000.000	-
Các đối tượng khác (iv)	201.731.198	7.454.422.283
	7.001.731.198	7.454.422.283

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng vay số 02/2015/HAMICOSC/HĐVT ngày 19/06/2015, số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, lãi suất 1%/năm kể từ ngày nhận tiền vay, thời hạn vay từ ngày 19/06/2015 đến ngày 18/12/2016. Tài sản thế chấp là 5.000.000.000 đồng giá trị vốn góp tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest.
- (ii) Hợp đồng vay số 01/2015/HAMICOSC/HĐVT ngày 19/06/2015, số tiền vay là 2.200.000.000 đồng, lãi suất 1%/năm kể từ ngày nhận tiền vay, thời hạn vay từ ngày 19/06/2015 đến ngày 18/12/2016. Tài sản thế chấp là số cổ phần thực góp tại Công ty.
- (iii) Hợp đồng vay số 03/2015/HAMICOSC/HĐVT ngày 19/06/2015, số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, lãi suất 1%/năm kể từ ngày nhận tiền vay, thời hạn vay từ ngày 19/06/2015 đến ngày 18/12/2016. Tài sản thế chấp là số cổ phần thực góp tại Công ty.
- (iv) Các đối tượng khác đầu kỳ được trình bày lại so với số đã trình bày trên báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Số liệu trên báo cáo kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2014 là 7.441.873.783 đồng được Công ty trình bày lại là 7.454.422.283 đồng, do Công ty trình bày số dư nợ trên tài khoản phải trả khác với giá trị là 12.548.500 đồng vào chỉ tiêu các khoản phải thu khác trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	1.672.803.376	1.672.803.376
Mua sắm mới	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>1.672.803.376</u>	<u>1.672.803.376</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	665.685.199	665.685.199
Khấu hao trong năm	2.464.974	2.464.974
Tại ngày 30/06/2015	<u>668.150.173</u>	<u>668.150.173</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	<u>1.007.118.177</u>	<u>1.007.118.177</u>
Tại ngày 30/06/2015	<u>1.004.653.203</u>	<u>1.004.653.203</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng trên sổ sách kế toán tại ngày 30/06/2015 và tại ngày 31/12/2014 là 538.593.221 đồng.

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	176.000.000	176.000.000
Mua sắm mới	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>176.000.000</u>	<u>176.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	176.000.000	176.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>176.000.000</u>	<u>176.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 và tại ngày 31/12/2014 là 176.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	54.415.432	37.268.085
Thuế thu nhập cá nhân (i)	59.240.268	59.240.268
	113.655.700	96.508.353

Ghi chú: (i) Khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp ngân sách nhà nước với giá trị là 59.240.268 đồng đã phát sinh từ lâu mà chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Việc chậm nộp này có thể sẽ phát sinh khoản phạt chậm nộp từ cơ quan thuế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí tiềm tàng này ảnh hưởng không trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ, do đó Ban Tổng Giám đốc chưa ghi nhận khoản chi phí này.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	(trình bày lại) VND
Phải trả BHXH quận Hai Bà Trưng	126.236.288	31.534.288
Phải trả phải nộp khác	219.910.000	439.771.000
	346.146.288	471.305.288

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2014	22.000.000.000	-	-	(8.390.334.164)
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	1.551.196.244
Điều chỉnh giảm trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	-	-	138.121.181
Số dư tại 31/12/2014	22.000.000.000	-	-	(6.701.016.739)
Số dư tại 01/01/2015	22.000.000.000	-	-	(6.701.016.739)
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(198.836.083)
Số dư tại 30/06/2015	22.000.000.000	-	-	(6.899.852.822)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 30/06/2015:

Cổ phiếu phổ thông của công đồng sáng lập:

+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.200.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	2.200.000 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.200.000 cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	195.454.545	36.000.000
Doanh thu khác	59.714	23.923.131
	195.514.259	59.923.131

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lương nhân viên	191.386.000	107.637.160
	191.386.000	107.637.160

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(198.836.083)	(230.734.417)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chuyển lỗ của năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(198.836.083)	(230.734.417)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(90)	(105)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ là các giao dịch và số dư liên quan đến các cổ đông của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Số dư với bên liên quan	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Khoản phải thu khác		
Trần Minh Hoàng	2.300.000.000	-
Nguyễn Quang Lộc	2.200.000.000	-
Các cổ đông khác	-	7.258.165.085
	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giao dịch với bên liên quan		
Thu hồi tiền tạm ứng của 24 cổ đông	7.258.165.085	-
Cho vay cá nhân ông Trần Minh Hoàng	2.300.000.000	-
Cho vay cá nhân Nguyễn Quang Lộc	2.200.000.000	-
	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc	40.800.000	47.241.000

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	-	424.200.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.791.063.687	5.249.800.964
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	15.100.147.178	15.298.983.261
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.791.063.687	-	5.249.800.964	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.151.981.198	-	7.472.172.283	-
Tổng cộng	11.943.044.885	-	12.721.973.247	-
			30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			-	424.200.000
Phải trả người bán			26.842.729	26.842.729
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			346.146.288	471.305.288
Tổng cộng			372.989.017	922.348.017

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.791.063.687	-	4.791.063.687
Phải thu khách hàng, phải thu khác	179.572.500	6.972.408.698	7.151.981.198
Tổng cộng	4.970.636.187	6.972.408.698	11.943.044.885

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015			
Phải trả người bán	26.842.729	-	26.842.729
Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	346.146.288	-	346.146.288
Tổng cộng	372.989.017	-	372.989.017

Chênh lệch thanh khoản thuần	4.597.647.170	6.972.408.698	719.135.305
-------------------------------------	----------------------	----------------------	--------------------

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.249.800.964	-	5.249.800.964
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.472.172.283	-	7.472.172.283
Tổng cộng	12.721.973.247	-	12.721.973.247

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015			
Vay và nợ	424.200.000	-	424.200.000
Phải trả người bán	26.842.729	-	26.842.729
Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	471.305.288	-	471.305.288
Tổng cộng	922.348.017	-	922.348.017

Chênh lệch thanh khoản thuần	11.799.625.230	-	11.799.625.230
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 của Công ty.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã thực hiện phân loại lại chỉ tiêu mã số 138 - Các khoản phải thu khác và chỉ tiêu mã số 319 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính theo như Thuyết minh số 8 - Các khoản phải thu khác. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác.



Ngô Thị Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

Trần Thị Thúy Hằng
Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích
Người lập biểu